TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THẠNH** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2017/DS-ST
Ngày 27/9/2017
"V/v đòi lại tài sản (từ hợp đồng vay tài sản)".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bảo Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Phước Hưng

2. Ông Mai Thanh Bình

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Thạch - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ tham gia phiên toà***: Bà Lê Thị Kim Loan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, TP.Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 74/2016/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2016 về việc *"Tranh chấp đòi lại tài sản (từ hợp đồng vay tài sản)"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2017/QĐST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu T, sinh năm 1980

Nơi cư trú: Xã P, huyện T, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Phú H, sinh năm 1941 (văn bản ủy quyền ngày 03/11/2016)

Nơi cư trú: xã T, huyện V, TP.Cần Thơ.

2. Bị đơn:

2.1. Anh Trần Văn C, sinh năm 1989

2.2. Bà Trần Thị M- 58 tuổi (mẹ ruột của C)

Cùng nơi cư trú: xã T, huyện V, TP.Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. NLQ1, sinh năm 1971

3.2. NLQ2, sinh năm 1953

Cùng nơi cư trú: xã T, huyện V, TP.Cần Thơ.

(Ông H, bà M và anh C có mặt, bà NLQ1 và bà NLQ2 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện ngày 01/8/2016; Đơn khởi kiện bổ sung ngày 09/5/2017 và lời trình bày của người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn - ông Lê Phú H :

Bà Trần Thị M hỏi NLQ1 (quan hệ bà con với nguyên đơn) cho bà vay vàng. Bà NLQ1 không có vàng để cho vay nên bà NLQ1 giới thiệu cho bà M vay vàng của nguyên đơn (chị Lê Thị Thu T) và nguyên đơn đồng ý cho bà M vay 05 chỉ vàng 24K, lãi suất 900.000đồng/tháng. Ngày 20/4/2013 âm lịch, bà M kêu con ruột của bà là anh Trần Văn C đến nhà của nguyên đơn nhận 05 chỉ vàng 24K nhưng không làm biên nhận. Sau khi vay, bà M có đóng tiền lãi được 08 tháng, mỗi tháng 900.000đồng (bà M đưa tiền cho bà NLQ1 để bà NLQ1 giao lại cho nguyên đơn).

Nay nguyên đơn yêu cầu bà M và anh C phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn 05 chỉ vàng 24k, không yêu cầu lãi suất.

- Bị đơn bà Trần Thị M trình bày:

Bà NLQ2 là người ở lân cận nhà của bà (hiện tại bà NLQ2 bị bệnh tai biến, không còn minh mẫn) có nhờ bà đi vay dùm cho bà 05 chỉ vàng 24k. Bà NLQ2 nói với bà là để bà đưa cho cháu bà NLQ2 cần vốn làm ăn.

Không nhớ rõ thời gian nào (tháng 4/2013 âm lịch), bà có gọi điện thoại cho NLQ1 để hỏi vay vàng thì bà NLQ1 trả lời không có vàng, để bà NLQ1 hỏi lại chị T xem có vàng cho vay hay không. Sau đó, bà NLQ1 gọi điện lại báo cho bà biết là bà T có vàng cho vay. Bà không biết mặt chị T nhưng có biết ông H là cha ruột của chị T. Do chị T ở nhà của ông H nên bà có kêu Trần Văn C là con ruột của bà đến nhà ông H gặp chị T lấy 05 chỉ vàng 24K về đưa lại cho bà NLQ2 luôn, bà không có giữ.

Khi vay, thỏa thuận lãi suất 900.000đồng/tháng/05 chỉ, bà NLQ2 đưa cho bà 08 tháng tiền lãi, mỗi tháng 900.000đồng để trả cho nguyên đơn. Khi giao trả tiền lãi thì bà gọi điện cho bà NLQ1 lên nhà của bà nhận. Bà qua nhà của bà NLQ2 nhận tiền lãi rồi bà giao lại cho bà NLQ1, còn bà NLQ1 giao cho bà T như thế nào thì bà không rõ. Vì bà không vay vàng của bà T mà chỉ là người hỏi vay dùm cho bà NLQ2 như trình bày ở phần trên nên bà không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn.

- Bị đơn anh Trần Văn C trình bày:

Anh có đến nhà của ông H gặp bà T lấy 05 chỉ vàng 24K theo yêu cầu của mẹ anh là bà M. Sau khi lấy vàng về, anh giao lại cho bà NLQ2, vì bà NLQ2 vay vàng, anh không phải là người vay vàng của bà T. Nay qua yêu cầu của bà T, anh không đồng ý trả.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1 trình bày:*

Lời khai của bà M là đúng, bà là người giới thiệu cho bà M vay vàng của chị T, vì bà không có vàng để cho vay. Lúc đầu, bà M hỏi bà có vàng cho bà vay hay không nhưng bà trả lời không có nên bà mới giới thiệu cho chị T cho bà M vay.

Bà cũng có biết bà NLQ2 vì nhà của bà cách nhà bà NLQ2 khoảng 01 km nhưng bà NLQ2 thì không hỏi bà vay vàng mà người hỏi vay là bà M. Bà M có nói với bà là vay vàng dùm cho người khác thì bà có nói với bà M là bà chỉ biết bà (M) thôi, còn bà M giao lại cho ai thì bà không biết.

- NLQ2 bị bệnh tai biến nên không thể trình bày những ý kiến có liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bà M và anh C phải có trách nhiệm giao trả 05 chỉ vàng 24K, không yêu cầu gì khác. Còn bà M và anh C không đồng ý, vì cho rằng mình vay vàng dùm cho bà NLQ2 nên không chịu trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn

Ý kiến của Kiểm sát viên: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh thụ lý vụ kiện *"Tranh chấp đòi lại tài sản"* giữa nguyên đơn và bị đơn là đúng thẩm quyền, Tòa án đã thu thập chứng cứ đầy đủ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn luật định. Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện các bước của phiên tòa sơ thẩm đúng thủ tục tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện cho rằng, các bị đơn vay vàng nhưng không trả nên phát sinh tranh chấp. Nguyên đơn chỉ yêu cầu các bị đơn trả lại số vàng mà mình đã giao, nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp *"Đòi lại tài sản (từ hợp đồng vay tài sản)"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

NLQ2 và NLQ1 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia xét xử nhưng đều vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét quyết định xét xử vắng mặt bà NLQ2 và bà NLQ1.

[2] Về nội dung:

Các đương sự bà Trần Thị M, NLQ1 và anh Trần Văn C trình bày thống nhất ý kiến, nên có cơ sở để xác định những tình tiết, sự kiện:

Bà M hỏi bà NLQ1 để vay vàng, bà NLQ1 không có vàng cho vay nên giới thiệu bà M vay vàng của chị Lê Thị Thu T. Nhờ bà NLQ1 giới thiệu nên chị T cho bà M vay 05 chỉ vàng 24K. Bà M kêu anh C (con ruột bà M) đến nhà ông Lê Phú H (cha ruột của chị T ở xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ, chị T ở nhà của ông H) gặp chị T nhận 05 chỉ vàng (bà M khai nhận vàng vào tháng 4/2013 âm lịch, nguyên đơn khai giao vàng vào ngày 20/4/2013 âm lịch). Mặc dù, việc giao nhận vàng không làm biên nhận nhưng các bị đơn cũng đã thừa nhận có nhận 05 chỉ vàng 24K của nguyên đơn. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tình tiết về việc nguyên đơn có giao vàng cho bị đơn thì nguyên đơn không phải chứng minh.

[3] Bà M nêu ra lý do để không trả lại số vàng cho nguyên đơn vì bà vay dùm cho bà NLQ2 (nhà ở lân cận nhà của bà M), nhưng lý do này là không có cơ sở để chấp nhận, bởi lẽ: Bà M hỏi vay vàng của bà NLQ1, bà NLQ1 trả lời là không có vàng cho vay nên mới giới thiệu để chị T cho vay. Bà M đồng ý vay vàng của chị T nên mới kêu anh C đến nhận vàng mang về. Chị T và bà NLQ2 hoàn toàn không thực hiện bất cứ giao dịch gì, bà M và con ruột là anh C nhận vàng từ chị T giao thì phải có trách nhiệm với chị T, còn việc bà M và anh C giao vàng lại cho bà NLQ2 là một quan hệ khác. Quá trình tố tụng, Tòa án đến nơi cư trú để làm việc với bà NLQ2 nhưng bà bị bệnh tai biến, không thể trình bày ý kiến về những vấn đề có liên quan đến việc vay vàng như bà M khai. Trường hợp, bà M và anh C có giao 05 chỉ vàng cho bà NLQ2 như trình bày thì bà M và anh C có quyền khởi kiện đối với bà NLQ2 thành một vụ án khác. Trường hợp này, người phải có trách nhiệm trả lại số vàng cho chị T là bà M và anh C. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện các bị đơn để đòi lại tài sản là có có căn cứ theo quy định tại các Điều 255 và Điều 256 của Bộ luật dân sự năm 2005 (các Điều 164 và Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015).

[4] Việc vay mượn vàng giữa các bên có thỏa thuận trả tiền lãi 900.000đồng/tháng/05 chỉ vàng 24K. Các đương sự trình bày thống nhất là chị T đã nhận được 08 tháng tiền lãi, mỗi tháng 900.000đồng (bà M giao tiền lãi cho bà

NLQ1 để giao lại cho chị T). Bà M khai, tiền đóng lãi là do bà NLQ2 đưa cho bà. Tuy nhiên, như phân tích ở phần trên, chị T giao dịch giao nhận vàng, vay vàng với bà M và anh C nên số tiền lãi chị đã nhận coi như nhận của bà M và anh C, chị T không có trách nhiệm gì với bà NLQ2 về khoản này. Việc chị T nhận tiền trả lãi vay là do có sự thỏa thuận giữa các bên khi vay nên việc nhận tiền lãi này là ngay tình nên chị T không phải trả lại theo quy định tại khoản 3 Điều 131 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 13 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc án phí, lệ phí Tòa án. Do bà M và anh C phải có trách nhiệm trả 05 chỉ vàng 24k (tương đương giá trị: 05 chỉ x 3400.000đồng/chỉ = 17.000.000đồng) theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên cùng phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định: 17.000.000đồng x 5% = 850.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 255, Điều 256 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Các Điều 131, Điều 164 và Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 13 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi lại tài sản đối với các bị đơn.

1/ Buộc bà Trần Thị M và anh Trần Văn C có trách nhiệm liên đới trả cho chị Lê Thị Thu T 05 chỉ vàng 24K (hoặc quy ra giá trị bằng tiền tại thời điểm thi hành án).

2/ *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

Buộc bà Trần Thị M và anh Trần Văn C phải chịu trách nhiệm liên đới nộp số tiền 850.000đồng (tám trăm năm mươi ngàn) án phí.

Hoàn trả lại cho bà Lê Thị Thu T số tiền 437.500đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 009045, ngày 20 tháng 9 năm 2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND cấp xã nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- *Các đương sự;*
- *TAND TP. Cần Thơ;*
- *VKSND huyện Vĩnh Thạnh;*
- *Chi cục THADS huyện Vĩnh Thạnh;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Võ Bảo Anh